Chi tiết mã HS 7005.29.90

Mã HS	7005.29.90
Mô tả hàng hóa	Kính nổi và kính đã mài hoặc đánh bóng bề mặt, ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác / - Kính không có cốt lưới khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	m2/chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 23:22:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70052990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	60	60%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10476
Thuế NK ưu đãi (MFN)	40	40%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10476
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10476
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	22.9	22,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	50	50%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		50	AC!E9954
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9905
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9905
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9905
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9905
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9905
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9905
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E9957
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F9957

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G9957
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H9957
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I9957
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J9957
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E9958
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F9958
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G9958
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H9958
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I9958
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J9958
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F9959
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9911
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F9917
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G9917
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H9917
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I9917
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J9917
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K9917
VKFTA	2022	2022	5	VK!E9942
VKFTA	2023	2023	5	VK!F9942
VKFTA	2024	2024	5	VK!G9942
VKFTA	2025	2025	5	VK!H9942
VKFTA	2026	2026	5	VK!I9942
VKFTA	2027	2027	5	VK!J9942
VCFTA	2022	2022	18	VC!D9989
VCFTA	2023	2023	15	VC!E9989

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	13	VC!F9989
VCFTA	2025	2025	10	VC!G9989
VCFTA	2026	2026	8	VC!H9989
VCFTA	2027	2027	5	VC!I9989
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9980
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9980
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9980
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9980
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9980
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9980
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D9980
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E9980
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F9980
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G9980
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H9980
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I9980
EVFTA	2022	2022	25	EV-NK!D9991
EVFTA	2023	2023	20	EV-NK!E9991
EVFTA	2024	2024	15	EV-NK!F9991
EVFTA	2025	2025	10	EV-NK!G9991
EVFTA	2026	2026	5	EV-NK!H9991
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9991
UKVFTA	2022	2022	25	UKV!D9990
UKVFTA	2023	2023	20	UKV!E9990
UKVFTA	2024	2024	15	UKV!F9990
UKVFTA	2025	2025	10	UKV!G9990

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	5	UKV!H9990
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9990
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9937
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9937
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9937
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9937
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9937
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9937
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9937
RCEP A	2022	2022	40	RCEPT-A!D9974
RCEP A	2023	2023	40	RCEPT-A!E9974
RCEP A	2024	2024	40	RCEPT-A!F9974
RCEP A	2025	2025	40	RCEPT-A!G9974
RCEP A	2026	2026	40	RCEPT-A!H9974
RCEP A	2027	2027	40	RCEPT-A!I9974
RCEP B	2022	2022	40	B!D9974
RCEP B	2023	2023	40	B!E9974
RCEP B	2024	2024	40	B!F9974
RCEP B	2025	2025	40	B!G9974
RCEP B	2026	2026	40	B!H9974
RCEP B	2027	2027	40	B!I9974
RCEP C	2022	2022	*	C!D9974
RCEP C	2023	2023	*	C!E9974
RCEP C	2024	2024	*	C!F9974
RCEP C	2025	2025	*	C!G9974
RCEP C	2026	2026	*	C!H9974

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	*	C!I9974
RCEP D	2022	2022	*	D!D9973
RCEP D	2023	2023	*	D!E9973
RCEP D	2024	2024	*	D!F9973
RCEP D	2025	2025	*	D!G9973
RCEP D	2026	2026	*	D!H9973
RCEP D	2027	2027	*	D!I9973
RCEP E	2022	2022	*	E!D9977
RCEP E	2023	2023	*	E!E9977
RCEP E	2024	2024	*	E!F9977
RCEP E	2025	2025	*	E!G9977
RCEP E	2026	2026	*	E!H9977
RCEP E	2027	2027	*	E!I9977
RCEP F	2022	2022	40	F!D9974
RCEP F	2023	2023	40	F!E9974
RCEP F	2024	2024	40	F!F9974
RCEP F	2025	2025	40	F!G9974
RCEP F	2026	2026	40	F!H9974
RCEP F	2027	2027	40	F!I9974
VIFTA	2024	2024	34.3	VI!F9223
VIFTA	2025	2025	28.6	VI!G9223
VIFTA	2026	2026	22.9	VI!H9223
VIFTA	2027	2027	17.1	VI!I9223

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH VLXD nhóm 2 (10/2024/TT-BXD) KTCL trước khi TQ		10/2024/TT-BXD	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 40%, RCEP (Phụ lục B) 40%, RCEP (Phụ lục F) 40%, ACFTA 50%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (40%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 40%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7005.29 có 3 dòng thuế; dòng 7005.29.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7005.29.10 Kính quang học, chưa được gia công về mặt quang học; 7005.29.20 Loại khác, hình vuông hoặc hình chữ nhật, đã hoặc chưa cắt một hoặc nhiều góc (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-003	YELLOW	Có biện pháp PVTM với xuất xứ khác	Chống bán phá giá: Một số sản phẩm kính nổi không màu – áp dụng cho ID, MA (228/QĐ-BCT 2093/QĐ-BCT). Xuất xứ đã chọn không nằm trong danh sách nhưng cần lưu ý rủi ro lẩn tránh.	TR-06 · Áp thuế chống bán phá giá đối với Một số sản phẩm kính nổi không màu (ID, MA)	228/QĐ-BCT 2093/QĐ-BCT	Lưu giữ hồ sơ chứng minh xuất xứ và nhà sản xuất thực tế.	Căn cứ: HT + cột chính sách mặt hàng BT2026 (nguồn); phạm vi chi tiết chưa xác minh

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 40% của mã 7005.29.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10476), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH VLXD nhóm 2 (10/2024/TT-BXD) KTCL trước khi TQ
Áp thuế CBPG Một số SP kính nổi không màu (ID, MA) (228/QĐ-BCT-2026)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.